

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **41** /2016/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày **09** tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LẠNG SƠN	
ĐẾN	Số..... 463
	Ngày 12/9/2016
	Chuyên.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Chỉ thị số 63-CT/TW ngày 28 tháng 02 năm 2001 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND của Hội đồng đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 40/TTr-SKH-CN ngày 29 tháng 8 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (thực hiện);
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra Văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Lạng Sơn;
- Công báo;
- PCVP UBND tỉnh,
- Các phòng CV, THCB;
- Lưu: VT, (LTT). *58*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Phạm Ngọc Thương

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2016

QUY ĐỊNH

**Chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học
và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

*(Kèm theo Quyết định số: ~~41~~ /2016 / QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hỗ trợ cho các hoạt động áp dụng kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ được thực hiện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã được Hội đồng Khoa học công nghệ tỉnh Lạng Sơn hoặc Hội đồng Khoa học công nghệ cấp Nhà nước nghiệm thu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có các hoạt động áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất. Không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài, các trang trại chăn nuôi vỗ béo, trung chuyển.

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung, quy mô và định mức hỗ trợ

1. Lĩnh vực trồng trọt

a) Mô hình cây trồng nông nghiệp

- + Số lượng mô hình hỗ trợ: Không quá 20 mô hình/đề tài, dự án.
- + Quy mô: Từ 700 đến 1.800m²/mô hình.
- + Tổng thời gian hỗ trợ: không quá 12 tháng.
- + Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chỉ đạo kỹ thuật (bao gồm công kỹ thuật, công tác phí), 100% chi phí mua giống và không quá 50% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng.

b) Mô hình cây trồng lâm nghiệp, cây ăn quả dài ngày

- + Số lượng mô hình hỗ trợ: Không quá 10 mô hình/đề tài, dự án.
- + Quy mô: Từ 0,5 ha đến 02 ha/mô hình.

+ Tổng thời gian hỗ trợ: Không quá 36 tháng.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chỉ đạo kỹ thuật (bao gồm công kỹ thuật, công tác phí), 50% chi phí mua giống và không quá 50% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng.

2. Lĩnh vực chăn nuôi

a) Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm

+ Số lượng mô hình hỗ trợ: Không quá 20 mô hình/đề tài, dự án.

+ Quy mô: Từ 100 đến 200 con/mô hình.

+ Tổng thời gian hỗ trợ: Mô hình nuôi sinh sản không quá 18 tháng, mô hình nuôi thịt không quá 12 tháng.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chỉ đạo kỹ thuật (bao gồm công kỹ thuật, công tác phí), 100% chi phí mua giống và không quá 50% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng.

b) Mô hình chăn nuôi lợn, dê

+ Số lượng mô hình hỗ trợ: Không quá 10 mô hình/đề tài, dự án.

+ Quy mô: Từ 05 đến 10 con/mô hình.

+ Tổng thời gian hỗ trợ: Mô hình nuôi sinh sản không quá 24 tháng, mô hình nuôi thịt không quá 12 tháng.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chỉ đạo kỹ thuật (bao gồm công kỹ thuật, công tác phí), 50% chi phí mua giống và không quá 50% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng.

c) Mô hình chăn nuôi trâu, bò

+ Số lượng mô hình hỗ trợ: Không quá 10 mô hình/đề tài, dự án.

+ Quy mô: từ 02 - 05 con/mô hình.

+ Tổng thời gian hỗ trợ: Mô hình nuôi sinh sản không quá 24 tháng, mô hình nuôi thịt không quá 18 tháng.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chỉ đạo kỹ thuật (bao gồm công kỹ thuật, công tác phí), 30% chi phí mua giống và không quá 50% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng.

3. Lĩnh vực thủy sản

+ Số lượng mô hình hỗ trợ: Không quá 10 mô hình/đề tài, dự án.

+ Quy mô: Từ 500m² đến 1.000m² mặt nước/mô hình.

+ Tổng thời gian hỗ trợ: Thời gian hỗ trợ không quá 24 tháng.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chỉ đạo kỹ thuật (bao gồm công kỹ thuật, công tác phí), 100% chi phí mua giống và không quá 50% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng.

4. Các mô hình khác

Hỗ trợ 100% kinh phí chỉ đạo kỹ thuật (bao gồm công kỹ thuật, công tác phí), 30% kinh phí đầu tư về vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng. Tổng thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng.

5. Mức hỗ trợ kinh phí quản lý và chi khác không quá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/đề tài, dự án được áp dụng, chuyển giao kết quả.

Điều 4. Điều kiện xét hỗ trợ kinh phí

1. Đối với hộ gia đình tham gia thực hiện mô hình

a) Có đủ nguồn lực để thực hiện mô hình áp dụng kết quả nghiên cứu các đề tài dự án khoa học và công nghệ.

b) Có địa điểm phù hợp với quy mô, nội dung, quy trình kỹ thuật để thực hiện.

2. Đối với tổ chức xây dựng các mô hình, chỉ đạo kỹ thuật và chuyển giao công nghệ

a) Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và chuyển giao công nghệ.

b) Có đội ngũ cán bộ đủ năng lực xây dựng các mô hình, chỉ đạo kỹ thuật và chuyển giao công nghệ.

Điều 5. Thẩm định và phê duyệt hỗ trợ

1. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nội dung, kinh phí hỗ trợ trên cơ sở Thuyết minh nội dung áp dụng kết quả nghiên cứu, cam kết của tổ chức, cá nhân chỉ đạo kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và cam kết của các hộ dân tham gia có đối ứng thực hiện mô hình.

2. Sau khi có kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

3. Căn cứ Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân về nội dung, kinh phí và phương thức hỗ trợ thực hiện mô hình.

Điều 6. Công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo việc thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung, tình hình sử dụng kinh phí và việc thực hiện áp dụng kết quả nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện áp dụng kết quả nghiên cứu có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung đang thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá.

Điều 7. Nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện, quyết toán kinh phí hỗ trợ và thanh lý hợp đồng

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện mô hình, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ và tổ chức thanh lý hợp đồng trên cơ sở xem xét báo cáo kết quả thực hiện các mô hình, báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và kinh phí thâm định hồ sơ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm của tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Lập kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm, trong đó có nội dung hỗ trợ áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tuyên truyền rộng rãi các kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, thực hiện các thủ tục đề nghị hỗ trợ theo kế hoạch hàng năm.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các sở, ban, ngành, phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi và lĩnh vực quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng mục đích kinh phí được hỗ trợ. Trong trường hợp sử dụng kinh phí không đúng mục đích phải hoàn trả kinh phí được hỗ trợ tùy theo mức độ sai phạm.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan liên quan và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm báo cáo, phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

